

Số:
V/v thực hiện kiểm tra, đánh giá đối với
cấp THCS, THPT từ học kì 2 năm học
2024-2025.

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày tháng 01 năm 2025

Kính gửi:

- Hiệu trưởng các trường THPT;
- Hiệu trưởng trường THPT có nhiều cấp học;
- Giám đốc các trung tâm Giáo dục thường xuyên;
- Trưởng phòng GDĐT huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Công văn số 7991/BGDĐT-GDTrH ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Bộ GDĐT về việc thực hiện kiểm tra, đánh giá đối với cấp THCS, THPT năm học 2024-2025;

Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các đơn vị thực hiện việc kiểm tra, đánh giá học sinh cụ thể như sau:

I. Đánh giá thường xuyên

- Hình thức: thực hiện thông qua: hỏi - đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập.

- Mỗi học sinh được kiểm tra, đánh giá nhiều lần, trong đó chọn một số lần kiểm tra, đánh giá phù hợp với tiến trình dạy học theo kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn, ghi kết quả đánh giá vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh theo quy định tại Điều 6, Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT và Thông tư 43/2021/TT-BGDĐT.

- Đối với cụm chuyên đề học tập của môn học: việc đánh giá thường xuyên được tổ chức theo từng chuyên đề và thực hiện lấy một điểm đánh giá thường xuyên tại học kì kết thúc của chuyên đề học tập.

II. Đánh giá định kỳ

1. Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số

Lãnh đạo các đơn vị chỉ đạo tổ/nhóm chuyên môn thực hiện xây dựng ma trận, bảng đặc tả, đề kiểm tra và hướng dẫn chấm; việc xây dựng đảm bảo các yêu cầu về chuyên môn, kỹ thuật (có phụ lục kèm theo văn bản này) và yêu cầu cần đạt của chương trình môn học, trong đó:

1.1. Đối với bộ môn Ngữ văn

- Tổ chức kiểm tra định kỳ theo hình thức tự luận
- Lưu ý ngữ liệu dùng trong kiểm tra, đánh giá tránh sử dụng lại các văn bản đã học trong sách giáo khoa đơn vị đang sử dụng làm ngữ liệu xây dựng các đề kiểm

tra đọc hiểu và viết để đánh giá chính xác năng lực học sinh, khắc phục tình trạng học sinh chỉ học thuộc bài hoặc sao chép nội dung tài liệu có sẵn.

1.2. Đối với bộ môn tiếng Anh

- Kiểm tra, đánh giá **giữa kì**
- + Kỹ năng viết chiếm tỉ lệ 25% số điểm (bao gồm: viết câu chiếm 15% và viết luận khoảng 100-200 từ, chiếm tỷ lệ 10%).
- + Kỹ năng nghe, đọc hiểu theo hình thức trắc nghiệm chiếm tỷ lệ 75% số điểm.
- Kiểm tra, đánh giá **cuối kỳ** đảm bảo đủ 04 kỹ năng
- + Kỹ năng nói: tổ chức trong 01 buổi riêng và chiếm tỷ lệ 20% số điểm.
- + Kỹ năng viết: viết câu hoặc viết luận khoảng 120-200 từ, chiếm tỷ lệ 10% số điểm.
- + Kỹ năng nghe, đọc hiểu theo hình thức trắc nghiệm chiếm tỷ lệ 70% số điểm.

1.3. Đối với các bộ môn khác

- Hình thức kiểm tra, đánh giá được kết hợp giữa trắc nghiệm với tự luận theo tỷ lệ tương ứng 70% số điểm trắc nghiệm và 30% số điểm tự luận, trong đó:

+ Phần trắc nghiệm: 30% số điểm dạng trắc nghiệm nhiều lựa chọn; 20% số điểm dạng trắc nghiệm “đúng-sai”; 20% số điểm phần trắc nghiệm trả lời ngắn.

Lưu ý: đối với các môn học không sử dụng dạng trắc nghiệm trả lời ngắn này thì chuyển toàn bộ số điểm cho dạng “Đúng - Sai”.

- + Phần tự luận: 30% tổng số điểm kiểm tra, đánh giá.
- Tỷ lệ phân hóa mức độ đề theo tỷ lệ: 40% nhận biết, 30% thông hiểu và 30% vận dụng.

2. Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét theo dạng bài thực hành, dự án học tập

- Lãnh đạo đơn vị chỉ đạo giáo viên thực hiện xây dựng hướng dẫn (bảng đặc tả) và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông.

3. Nội dung kiểm tra, đánh giá đáp ứng theo yêu cầu cần đạt của từng môn học được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông tại Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT; Thông tư số 12/2022/TT-BGDĐT; Thông tư 22/2022/TT-BGDĐT; Thông tư số 43/2022/TT-BGDĐT.

4. Thời gian làm bài kiểm tra đối với môn học có từ 70 tiết/năm học trở xuống là 45 phút; môn học trên 70 tiết/năm học từ 60 phút đến 90 phút; môn chuyên tối đa 120 phút.

5. Lưu trữ hồ sơ về việc thực hiện kiểm tra, đánh giá học sinh.

- **Lưu trữ của đơn vị:**

+ Các Quyết định thành lập Ban ra đề, ban in sao đề, ban coi kiểm tra và chấm bài kiểm tra.

+ Ma trận, bảng đặc tả, đề kiểm tra và hướng dẫn chấm đối với các môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số;

+ Hướng dẫn (bảng đặc tả) và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông đối với môn học/hoạt động giáo dục đánh giá bằng nhận xét, bằng hình thức bài thực hành, dự án học tập.

+ Bảng tổng hợp nhận xét đánh giá đề và kết quả kiểm tra theo từng môn của nhà trường.

- Lưu trữ của tổ chuyên môn:

+ Các biên bản nhận xét, đánh giá đề kiểm tra theo từng câu (về nội dung, mức độ, ...); phân tích và nhận xét kết quả của học sinh của tổ chuyên môn.

+ Ma trận, bảng đặc tả, đề kiểm tra và hướng dẫn chấm đối với các môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số;

+ Hướng dẫn (bảng đặc tả) và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông đối với môn học/hoạt động giáo dục đánh giá bằng nhận xét, bằng hình thức bài thực hành, dự án học tập.

- Lưu tại thư viện đơn vị: Đề kiểm tra, đánh giá và hướng dẫn chấm; tiêu chí đánh giá.

- Học sinh: bài kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ đối với các bài làm trên giấy.

Việc tổ chức kiểm tra, đánh giá bắt đầu áp dụng từ học kì 2 năm học 2024-2025 và thay thế cho Văn bản số 5697/SGDDĐT-GDTrHTX ngày 04/12/2024 của Sở GDĐT Về việc Hướng dẫn thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá định kì học sinh năm học 2024-2025.

Nhận được Công văn này, Sở GDĐT đề nghị lãnh đạo các đơn vị triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện các vướng mắc liên hệ ông Vũ Tiến Hưng - CVC phòng GDTrHTX để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Ban Giám đốc Sở GDĐT (đề b/c);
- Website Sở;
- Lưu: VT, GDTrHTX.Hungvt.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Kế Toại

PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn số /SGDDĐT-GDTrH ngày /12/2024 của Sở GDĐT)

1. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

TT	Chủ đề/Chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ									Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			“Đúng – Sai” ¹			Trả lời ngắn ²									
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
1	Chủ đề 1																	
						(n) ³												
2	Chủ đề 2																	
...	Chủ đề																	
		Tổng số câu																
		Tổng số điểm	3,0 ⁴			2,0			2,0			3,0			4,0	3,0	3,0	
		Tỉ lệ %	30			20			20			30			40	30	30	

¹ Mỗi câu hỏi bao gồm 4 ý nhỏ, mỗi ý học sinh phải chọn đúng hoặc sai. Một số tài liệu xếp loại câu hỏi này vào loại *Nhiều lựa chọn phức hợp* hoặc *Nhiều lựa chọn có nhiều phương án đúng*.

² Đối với môn học không sử dụng dạng này thì chuyển toàn bộ số điểm cho dạng “Đúng – Sai”.

³ Có ở trong một số ô của ma trận, thể hiện số câu hỏi hoặc câu hỏi số bao nhiêu.

⁴ Lựa chọn sao cho được khoảng 3,0 điểm, tương ứng với tỉ lệ khoảng 30%; tương tự như thế đối với các dạng khác.

2. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

TT	Chủ đề/Chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá											
				TNKQ									Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			“Đúng – Sai”			Trả lời ngắn					
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
1	Chủ đề 1		- Biết... ...												
			- Hiểu... ...												
			- VD... ...				(n) (NL?) ⁵								
2	Chủ đề 2		- Biết... ...												
			- Hiểu... ...												
			- VD... ...												
...	Chủ đề														
		Tổng số câu													
		Tổng số điểm		3,0			2,0			2,0			3,0		
		Tỉ lệ %		30			20			20			30		

Cấu trúc bản đặc tả đơn vị kiến thức, mức độ, hình thức đánh giá

⁵ Có ở trong một số ô của bản đặc tả, ghi tắt tên của năng lực (đã được quy định trong chương trình môn học/hoạt động giáo dục).

3. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ
(Môn học đánh giá bằng nhận xét)

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Hình thức đánh giá	
				Thường xuyên	Định kì
			Nhận biết ...		
			Thông hiểu ...		
			Vận dụng ...		

4. BẢNG XÂY DỰNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ

(Môn học đánh giá bằng nhận xét)

Ví dụ: Lựa chọn 1 trong những mạch nội dung để kiểm tra, đánh giá.

<i>Stt</i>	<i>Nội dung kiểm tra</i>	<i>Tổ chức kiểm tra</i>	<i>Tiêu chí đánh giá</i>
1			<p>1) Thực hiện được nội dung kiểm tra (là một kĩ thuật hoặc một giai đoạn của kĩ thuật, một bài tập vận động hoặc một bài tập phối hợp nhiều kĩ thuật...).</p> <p>2) Không phạm qui (Luật, và những qui định về thời gian, cự li, vạch giới hạn... phù hợp với nội dung kiểm tra).</p> <p>3) Đạt được yêu cầu về thành tích vận động (tốc độ, độ cao, độ xa, mức độ chính xác, mức độ linh hoạt...).</p> <p>4) Thể hiện được sự tăng trưởng về kĩ năng vận động và trình độ thể lực phù hợp với đặc điểm cá nhân.</p> <p>5) Thể hiện được mức độ tích cực tự học, tự rèn luyện.</p>

2. Hướng dẫn đánh giá

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Hướng dẫn đánh giá
1			<p>Đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đạt 3/5 tiêu chí là đạt mức 1 (Đ1 – trung bình). - HS đạt 4/5 tiêu chí là đạt mức 2 (Đ2 - khá). - HS đạt 5/5 tiêu chí là đạt mức 3 (Đ1 – giỏi). <p>Chưa đạt: HS chưa đạt tiêu chí 01 và 02 trong bảng tiêu chí đánh giá.</p>